

Bản án số: 92/2022/HC-PT
Ngày 21 - 01 - 2022
V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tửu

Ông Lê Thành Long

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hữu Hậu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 và ngày 21 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 709/2020/TLPT-HC ngày 07 tháng 12 năm 2020 về việc: “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai.”

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 1458/2020/HC-ST ngày 11 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2803/2022/QĐPT-HC ngày 29 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. ***Người khởi kiện:*** Bà Dương Thị A

Địa chỉ: 366/4 (số cũ 340/1) Nơ Trang L, Phường 13, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2. ***Người bị kiện:*** Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Bình T và Ủy ban nhân dân quận Bình T

Địa chỉ: Số 6 P, Phường 14, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Hồ Phương, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Bình T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Hồ Nhật T, chức vụ: Phó Trưởng Ban bồi thường giải phóng mặt bằng quận Bình T và

ông Nguyễn Đức Hiền, chức vụ: Chuyên viên Ban bồi thường giải phóng mặt bằng quận Bình T. (có mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Dương Thị C (vắng mặt)
- Bà Dương Thị N (vắng mặt)
- Bà Dương Thị T (vắng mặt)
- Ông Dương Tùng S (có mặt)
- Ông Dương Bích C (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 366/4 (số cũ 340/1) Nơ Trang L, Phường 13, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Người khởi kiện bà Dương Thị A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ theo đơn khởi kiện ngày 08/11/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 10/01/2019, bản tự khai và quá trình tố tụng, Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Nguyễn Trung Hiếu trình bày:

Bà A là một trong những đồng sở hữu nhà đất tại địa chỉ số 366/4 (số cũ là 340/1) đường Nơ Trang L, Phường 13, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh. Những người đồng sở hữu nhà đất này ngoài bà A ra còn có các anh chị em của bà A gồm: Bà Dương Thị C, Dương Thị N, Dương Thị T, ông Dương Tùng S và ông Dương Bích C, cùng địa chỉ: số 366/4 (số cũ là 340/1) đường Nơ Trang L, Phường 13, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguồn gốc nhà đất này do ba mẹ bà A là ông Dương Văn M và bà Huỳnh Thị Đ được thừa kế, sử dụng từ trước năm 1975. Sau năm 1975, theo chỉ thị 299 năm 1980 của Thủ tướng Chính phủ, ba mẹ bà A đã kê khai đăng ký gồm ba thửa liền kề nhau có diện tích tổng cộng là 2.523m² với cơ quan Nhà nước. Đến năm 1999, ba mẹ bà A được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 1167/99 ngày 28 tháng 01 năm 1999 cho phần đất có diện tích 1.797m², phần đất còn lại có phần đất mà gia đình bà Dương Thị A đã cho các anh em họ của mình làm lối đi nhờ thì chưa được cấp Giấy chứng nhận. Theo bản vẽ hiện trạng nhà số 366/4 (số cũ là 340/1) đường Nơ Trang L do Công ty cổ phần đo đạc xây dựng thương mại dịch vụ Đại Việt An lập ngày 06/03/2016 thì diện tích khuôn viên là 1.942,5m², như vậy phần đất diện tích chưa được cấp Giấy chứng nhận là: 1.942,5m² - 1.797m² = 145,5m².

Ngày 12/06/2017, Ủy ban nhân dân quận Bình T ban hành Quyết định số 4372/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng một phần căn nhà số 366/4 (số cũ là 340/1) đường Nơ Trang L, Phường 13, quận Bình T của bà Dương Thị A và các đồng thừa kế. Theo Quyết định này, nhà đất này thuộc diện giải tỏa một phần của Dự án Bồi thường giải phóng mặt bằng để xây dựng cầu Phan Chu Trinh đoạn từ rạch Lãng đến đường Nơ Trang L có diện tích nhà đất trong ranh giải tỏa là 1.039,7m², trong đó có phần diện tích 141m² nằm

trong là phần đất mà gia đình bà Dương Thị A đã cho các anh em họ của mình làm lối đi nhờ thì không được bồi thường.

Đơn giá để tính bồi thường, hỗ trợ thì được tính theo đơn giá đất 13.608.000 đồng/m² nhân với hệ số điều chỉnh là K=2,5321, bằng 34.456.816 đồng/m².

Ngày 24/07/2018, sau khi xét thấy việc áp dụng đơn giá để tính bồi thường, hỗ trợ là quá thấp do áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất K chỉ có 2,5321 và việc không bồi thường phần diện tích đất 141m² là không có căn cứ, trái với quy định của pháp luật, bà A đã nộp đơn khiếu nại lần đầu Quyết định số 4372/QĐ-UBND gửi đến Ủy ban nhân dân quận Bình T với các nội dung sau:

1. Về đơn giá bồi thường:

Theo bà A, đất của gia đình bà nằm vị trí 3 (3-5m, trái nhựa) trong Phương án số 112/PA-UBND-HĐBTGPMB ngày 05 tháng 06 năm 2017 của Hội đồng Bồi thường Dự án xây dựng cầu Phan Chu Trinh đoạn từ rạch Lãng đến đường Nơ Trang L nhưng đơn vị tư vấn căn cứ vào vị trí 3 (3-5m, xi măng) để xây dựng đơn giá đền bù là không đúng.

Đường Nơ Trang L là trục đường chính của quận, nhưng hệ số điều chỉnh để tính giá bồi thường (hệ số K) của dự án thấp hơn với hệ số K của dự án khác trong quận là không hợp lý (Dự án đầu tư mở rộng đường Phan Văn Trị, Phường 11, quận Bình T) và hệ số K của dự án thấp hơn hệ số K của một số quận khác. Hệ số K của vị trí 2, 3, 4 trong Phương án số 112/PA-UBND-HĐBTGPMB ngày 05 tháng 06 năm 2017 của Hội đồng Bồi thường Dự án xây dựng cầu Phan Chu Trinh đoạn từ rạch Lãng đến đường Nơ Trang L có sự chênh lệch quá lớn so với vị trí 1. Các dự án khác thì hệ số K của các vị trí có sự chênh lệch không đáng kể.

2. Về việc không bồi thường phần diện tích 141m² nằm trong là phần đất mà gia đình bà Dương Thị A đã cho các anh em họ của mình làm lối đi nhờ:

Nhà đất gia đình bà A nằm trong khuôn viên được bao bọc bằng tường riêng và có cổng riêng. Gia đình em họ của bà phải đi vào cổng nhà bà, rồi đi vào phần đất trống nằm giữa tường riêng và nhà riêng của bà để đi vào nhà của họ. Các em bà đã có đơn xác nhận sự việc này.

Mặt khác, trong quá khứ đây là phần đất thuộc cùng một lô đất do ba má bà A sử dụng trước giải phóng (có đăng kí theo Chỉ thị 299 của TTCP), anh em trong gia đình bà đã đi lại trong những phần đất trống trong khuôn viên này. Gia đình bà A chỉ cho đi nhờ, chứ chưa bao giờ hiến đất làm đường đi chung hay từ bỏ quyền sở hữu, sử dụng của mình đối với phần đất này.

Ngoài ra, anh em trong gia đình bà A đã không làm phiền đến chính quyền để có lối đi như một số trường hợp báo đài đã nêu, mà anh em bà A cũng không có tranh chấp bồi thường về phần diện tích đất gia đình bà A đã cho gia đình các anh em họ đi nhờ (đã có đơn cam kết nộp cho Ban bồi thường).

Đây là lối đi của gia đình bà A nên không có ranh giới rõ ràng, điều này được

thể hiện rõ trên bản vẽ hiện trạng phục vụ cho công tác đền bù của dự án. Do đó gia đình bà A phải được hỗ trợ, bồi thường phần diện tích này khi thực hiện dự án.

Đến ngày 03/08/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Bình T ban hành Quyết định số 5926/QĐ-UBND để giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Dương Thị A về việc khiếu nại Quyết định số 4372/QĐ-UBND, theo đó:

- Giữ nguyên Quyết định số 4372/QĐ-UBND ngày 12 tháng 06 năm 2017 của Ủy ban nhân dân quận Bình T;

- Không công nhận nội dung mà bà Dương Thị A đã khiếu nại Quyết định số 4372/QĐ-UBND.

Chính vì vậy bà A mới khiếu kiện ra Tòa án để yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề như sau:

- Yêu cầu hủy bỏ một phần Quyết định số 4372/QĐ-UBND ngày 12 tháng 06 năm 2017 của Ủy ban nhân dân quận Bình T về việc bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng một phần căn nhà số 340/1 đường Nơ Trang L, Phường 13, quận Bình T của bà Dương Thị A và các đồng thừa kế, cụ thể:

- + Hủy phần quyết định áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất có hệ số $K=2,5321$ để tính đơn giá bồi thường, hỗ trợ;

- + Hủy phần quyết định không bồi thường phần diện tích đất $141m^2 = (116m^2 + 25m^2)$ là phần đất mà gia đình tôi đã cho các anh em họ của mình làm lối đi nhờ.

- Yêu cầu hủy bỏ toàn bộ Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 5926/QĐ-UBND ngày 03 tháng 08 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Bình T.

- Buộc Ủy Ban nhân dân quận Bình T phải bồi thường, hỗ trợ cho tôi là Dương Thị A và các đồng thừa kế cho phần diện tích đất bị thu hồi $141m^2$.

- Buộc Ủy Ban nhân dân quận Bình T áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất $K = 4$ để tính đơn giá đất bồi thường.

Ủy ban nhân dân quận Bình T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Bình T có ông Hồ Phương là người đại diện theo ủy quyền có đơn xin vắng mặt, Tòa án công bố bản tự khai ngày 04/7/2019 của ông Hồ Phương:

1. Về nguồn gốc nhà, đất:

Căn nhà số 340/1, đường Nơ Trang L, Phường 13, quận Bình T có nguồn gốc của ông Dương Văn M và bà Huỳnh Thị Đ là chủ sở hữu theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 1167/99 ngày 28 tháng 01 năm 1999 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Ngày 04 tháng 01 năm 2011 bà Dương Thị A và các đồng thừa kế được cập nhật thay đổi tên chủ sử dụng.

Theo Bản vẽ hiện trạng vị trí phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng đã kiểm tra xác nhận ngày 20 tháng 11 năm 2017

thì diện tích đất khuôn viên căn nhà số 340/1, đường Nơ Trang L, Phường 13 là 1.801,5m² thuộc diện giải tỏa một phần.

Phần diện tích đất trong ranh Dự án xây dựng cầu Phan Chu Trinh nối ra đường Nơ Trang L, Phường 13, Bình Thạnh là 898,7m², trong đó:

- Phần đất được công nhận tại Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 1167/99 ngày 28 tháng 01 năm 1999, diện tích 896,5m².

- Phần đất thuộc một phần thửa 1074, tờ bản đồ số 2, do ông Dương Văn Muội đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg loại đất T, diện tích 2,2m².

2. Về bồi thường, hỗ trợ:

Căn cứ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (*Ban hành kèm theo Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2015 của Ủy ban nhân dân TP*):

- Khoản 1, Điều 5 quy định về điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (*thực hiện theo Điều 75 Luật Đất đai năm 2013*): “*Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không phải là đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận) hoặc có đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 mà chưa được cấp*”;

Căn cứ Quyết định số 2307/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để tính bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của Dự án bồi thường để xây dựng cầu Phan Chu Trinh nối ra đường Nơ Trang L, Phường 13, quận Bình T.

Ủy ban nhân dân quận Bình T đã ban hành Quyết định số 4372/QĐ-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2017 về bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng một phần căn nhà số 340/1, đường Nơ Trang L, Phường 13, quận Bình T của bà Dương Thị A và các đồng thừa kế và Quyết định số 2835/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2018 về điều chỉnh Điều 2 Quyết định số 4372/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân quận Bình T, cụ thể:

- Bồi thường bằng 100% đơn giá đất ở đối với phần diện tích 896,5m² đất được công nhận tại Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 1167/99 ngày 28 tháng 01 năm 1999.

- Bồi thường bằng 100% đơn giá đất ở đối với phần diện tích 2,2m² do ông Dương Văn Muội đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg loại đất T.

Không đồng ý, bà Dương Thị A khiếu nại đề nghị được điều chỉnh hệ số để tính bồi thường (hệ số K từ 2,5321 lên hệ số 4,0) và tính bồi thường phần diện tích 141m² lối đi chung.

Ngày 03 tháng 8 năm 2018 Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Bình T đã ban hành Quyết định số 5926/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Dương Thị A, địa chỉ số 366/4, đường Nơ Trang L, Phường 13, quận Bình T (lần đầu), theo đó không công nhận nội dung khiếu nại.

Căn cứ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất, Ủy ban nhân dân quận Bình T nhận thấy việc bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng một phần đối với căn nhà số 340/1, đường Nơ Trang L, Phường 13, quận Bình T của bà Dương Thị A và các đồng thừa kế là đúng theo quy định, đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố bác đơn khởi kiện của bà Dương Thị A vì không có cơ sở giải quyết.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị T, bà Dương Thị N, bà Dương Thị C, ông Dương Bích C, ông Dương Tùng S: Tất cả đều có bản tự khai có nội dung thống nhất với ý kiến trình bày trong bản tự khai của bà Dương Thị A.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 1458/2020/HC-ST ngày 11 tháng 9 năm 2020, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ Khoản 1 Điều 30, Khoản 4 Điều 32; Khoản 1 điểm a Khoản 2, Điều 116; điểm a Khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; căn cứ Luật đất đai 2013; căn cứ luật khiếu nại năm 2011;

Căn cứ điều 2 chương I, quy định về lộ giới và quản lý đường hẻm trong các khu dân cư hiện hữu thuộc địa bàn Thành phố Ban hành kèm theo Quyết định số 88 /2007/QĐ-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác các yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

1.1 Yêu cầu hủy bỏ một phần Quyết định số 4372/QĐ-UBND ngày 12 tháng 06 năm 2017 của Ủy ban Nhân dân quận Bình T về việc bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng một phần căn nhà số 340/1 đường Nơ Trang L, Phường 13, quận Bình T của bà Dương Thị A và các đồng thừa kế, cụ thể:

+ Hủy phần quyết định áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất có hệ số $K=2,5321$ để tính đơn giá bồi thường, hỗ trợ;

+ Hủy phần quyết không bồi thường phần diện tích đất $141m^2 = (116m^2 + 25m^2)$ là phần đất mà gia đình ông Dương Văn Muội, Huỳnh Thị Mầu đã cho các anh em họ của mình làm lối đi nhờ.

1.2 Yêu cầu hủy bỏ toàn bộ Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 5926/QĐ-UBND ngày 03 tháng 08 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân

quận Bình T.

1.3 Buộc Ủy ban nhân dân quận Bình T phải bồi thường, hỗ trợ cho tôi là Dương Thị A và các đồng thừa kế cho phần diện tích đất bị thu hồi 141m².

1.4. Buộc Ủy ban nhân dân quận Bình T áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất $K = 4$ để tính đơn giá đất bồi thường.

Ngoài ra, Tòa án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định.

Ngày 22/9/2020, người khởi kiện bà Dương Thị A kháng cáo toàn bộ bản án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện rút một phần yêu cầu kháng cáo đối với việc Hủy bỏ một phần Quyết định 4372/QĐ-UBND ngày 12/6/2017 của UBND quận Bình T về phần hệ số điều chỉnh giá đất. Chỉ kháng cáo về phần không bồi thường diện tích 141m² là phần lối đi của các anh em trong gia đình bà. Nguồn gốc đất của gia đình bà sử dụng từ trước đến giờ nhưng khi nhà nước cấp giấy thì cho rằng đó là đường đi chung nên không bồi thường là không đúng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày: Việc xác lập lối đi chung thuộc quản lý của Nhà nước đã thể hiện rõ trong Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 1167/99 ngày 28/01/1999 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đồng thời UBND quận Bình T cũng có quyết định về phê duyệt lộ giới và danh sách cũng như bản vẽ đính kèm. Đối chiếu Bản đồ địa chính năm 2002 thể hiện là lối đi chung, không thuộc đối tượng được bồi thường hỗ trợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa phát biểu: Về tố tụng: Chủ tọa phiên tòa và các thành viên hội đồng xét xử, cũng như các đương sự đã thực hiện đúng quy định của luật Tố tụng hành chính. Về nội dung: Người khởi kiện kháng cáo không có tình tiết gì mới nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ, vụ án đã được thẩm tra tại toà, qua kết quả tranh luận, nghe lời phát biểu của các đương sự của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên toà.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa phúc thẩm người bị kiện đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, hội đồng xét xử áp dụng Điều 225 Luật tố tụng hành chính xét xử vắng mặt người bị kiện.

[1.2] Về đối tượng khởi kiện: Quyết định số 4372/QĐ-UBND ngày 12/6/2017 của UBND quận Bình T, quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 5926/QĐ-UBND ngày 03/8/2018 của Chủ tịch UBND quận Bình T là đối tượng khởi kiện quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính.

[1.3] Về thẩm quyền: Theo khoản 4 Điều 32 Luật tổ tụng hành chính, người khởi kiện khởi kiện vụ án hành chính đối với Quyết định trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.4] Về thời hiệu: Ngày 14/6/2017 bà A nhận được Quyết định 4372/QĐ-UBND ngày 12/6/2017, ngày 07/5/2018 bà A nhận được Văn bản số 2835/QĐ-UBND ngày 04/5/2018 điều chỉnh Quyết định 4372/QĐ-UBND, sau đó bà A khiếu nại. Ngày 03/8/2018 Chủ tịch UBND quận Bình T ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 5296/QĐ-UBND. Đến ngày 13/12/2018 bà A nộp đơn khởi kiện là còn thời hiệu theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với yêu cầu hủy 01 phần Quyết định số 4372/QĐ-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân quận Bình T:

+ Về hủy phần quyết định không bồi thường phần diện tích đất 141m²:

Xét nguồn gốc nhà và đất tại địa chỉ số 366/4 (số cũ 340/1) đường Nơ Trang L, Phường 13, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh là của cha mẹ bà A là ông Dương Văn Muội và bà Huỳnh Thị Đầu sử dụng từ trước năm 1975. Sau năm 1975 theo Chỉ thị 299 năm 1980 của Thủ tướng Chính phủ, ba mẹ bà A đã kê khai đăng ký diện tích 2.523m². Đến ngày 28/01/1999, ba mẹ bà A đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 1167/99 của Ủy ban nhân dân Thành phố diện tích 1.797m², phần diện tích còn lại chưa được cấp GCN gia đình bà A cho các anh em họ làm lối đi chung trong đó có diện tích 141m² thu hồi.

Người khởi kiện cho rằng tuy diện tích 141m² được gia đình bà A sử dụng từ trước năm 1975, không có ai tranh chấp dùng để làm lối đi chung cho gia đình bà A. Các anh em đều thừa nhận họ mượn diện tích đất của gia đình bà A để làm lối đi chung trong gia đình chứ không phải lối đi của nhà nước có từ trước. Phía người bị kiện cho rằng đây là lối đi chung được thể hiện trong bản đồ địa chính 202 là thuộc hẻm.

Diện tích đất tranh chấp chính UBND quận Bình T cũng thừa nhận nguồn gốc trước ngày 28/01/1999 là của ông Dương Văn Muội, bà Huỳnh Thị Đầu nhưng UBND cho rằng ngày 28/01/1999 hai ông bà đã tiến hành các thủ tục cấp giấy chứng nhận và đã được UBND Thành phố cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 1167/99 ngày 28/1/1999, trên giấy thể hiện rõ diện tích 141m² là thuộc lối đi chung chứ không phải lối đi nhờ nên không bồi thường cho bà A.

Xét thấy, mặc dù diện tích 141m² chưa được cấp GCNQSDĐ nhưng thực tế nguồn gốc đất là của gia đình bà A đã sử dụng từ trước năm 1975 không có ai tranh chấp để làm lối đi cho các anh em của hộ phía sau, các anh em đều thừa nhận họ mượn diện tích đất của gia đình bà A để làm lối đi chung trong gia đình chứ không phải lối đi của nhà nước từ trước và họ cũng không tranh chấp lối đi này.

Tại phiên tòa phúc thẩm, UBND quận Bình T xuất trình Quyết định số 7906/QĐ-UBND ngày 20/12/2010 về phê duyệt Quy định lộ giới hẻm dưới 12m trên địa bàn Phường 13, quận Bình T liệt kê các con hẻm của Phường 13 trong đó có hẻm 366 chính là con hẻm nối liền phần lồi đi phía gia đình bà A đã dành cho các hộ phía sau là anh em đi diện tích 141m² để xác định UBND quận đã quyết định đoạn hẻm có diện tích 141m² này là con hẻm 366 của nhà nước quản lý.

Đối chiếu sơ đồ và sự thừa nhận của Ủy ban nhân dân tại phiên tòa phúc thẩm thì con hẻm 366 này dài 142m thì đoạn từ đầu hẻm giáp với đường Nor Trang L chạy đến trước nhà (đầu đất của bà A) là của Nhà nước quản lý. Nhưng từ đất nhà bà A đến cuối hẻm là đất có nguồn gốc của gia đình bà A.

Như vậy, có cơ sở xác định diện tích 141m² có nguồn gốc của ông Dương Văn Muội và bà Huỳnh Thị Đầu hiện nay thuộc quyền sử dụng của bà A và các đồng thừa kế là bà Dương Thị Cần, Dương Thị Nhựt, Dương Thị Tam, ông Dương Tùng Sơn, ông Dương Bích Cơ được sử dụng từ trước năm 1975 không có ai tranh chấp nên đủ điều kiện được bồi thường và hỗ trợ khi nhà nước thu hồi theo quy định tại Nghị định 47/2014/NĐ-CP quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất. Do đó, khi thu hồi đất UBND quận Bình T phải bồi thường theo quy định của người được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ Về phần yêu cầu hủy phần quyết định áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất có hệ số K là 2,5321 để tính đơn giá bồi thường, hỗ trợ:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà A rút kháng cáo đối với yêu cầu này. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ yêu cầu kháng cáo đối với Hủy phần quyết định áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất có hệ số K của bà A.

[2.2] Đối với yêu cầu hủy bỏ toàn bộ Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 5926/QĐ-UBND ngày 03 tháng 08 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Bình T:

Như đã phân tích ở trên, diện tích 141m² đủ điều kiện được bồi thường theo quy định. Chủ tịch UBND quận Bình T ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 5926/QĐ-UBND ngày 03/8/2018 nội dung giữ nguyên Quyết định số 4372/QĐ-UBND và không công nhận nội dung khiếu nại của bà A là chưa đúng. Do vậy, cần hủy Quyết định 5926/QĐ-UBND

[3] Về án phí hành chính:

- Về án phí sơ thẩm: Bà Dương Thị A không phải nộp án phí hành chính sơ thẩm. Ủy ban nhân dân quận Bình T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

- Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bà Dương Thị A không phải chịu án phí theo quy định.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

I. Căn cứ khoản 2 Điều 241, khoản 3 Điều 218 Luật tổ tụng hành chính.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Dương Thị A về yêu cầu Hủy bỏ một phần Quyết định số 4372/QĐ-UBND ngày 12 tháng 06 năm 2017 của Ủy ban nhân dân quận Bình T về việc bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng một phần căn nhà số 340/1 đường Nơ Trang L, Phường 13, quận Bình T của bà Dương Thị A và các đồng thừa kế về phần quyết định áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất có hệ số $K = 2,5321$ để tính đơn giá bồi thường, hỗ trợ.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Dương Thị A.

Sửa bản án sơ thẩm số 1458/2020/HC-ST ngày 11 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Điều 30, Điều 32; Điều 116; Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Luật đất đai 2013; Luật khiếu nại năm 2011; Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị A:

- Hủy bỏ một phần Quyết định số 4372/QĐ-UBND ngày 12 tháng 06 năm 2017 của Ủy ban nhân dân quận Bình T về việc bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng một phần căn nhà số 340/1 đường Nơ Trang L, Phường 13, quận Bình T của bà Dương Thị A và các đồng thừa kế về phần quyết định không bồi thường phần diện tích đất 141m².

Buộc Ủy ban nhân dân quận Bình T phải bồi thường, hỗ trợ cho bà Dương Thị A và các đồng thừa kế cho phần diện tích đất bị thu hồi 141m² theo quy định.

- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 5926/QĐ-UBND ngày 03 tháng 08 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Bình T.

II. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

III. Về án phí:

- Về án phí sơ thẩm:

Bà Dương Thị A không phải nộp án phí hành chính sơ thẩm. Được hoàn lại 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2019/0024618 ngày 01/10/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Ủy ban nhân dân quận Bình T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

- Về án phí phúc thẩm: Bà Dương Thị A không phải chịu án phí được hoàn lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai 00092709 ngày 02/10/2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP (3), HS (3) 16b (MTTT)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Thanh Duyên

